

Số: 01/2018/BC-CMT

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101122893
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 143.009.130.445 đồng.
- Địa chỉ: Tòa nhà INFONET, số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 3773.0793
- Số fax: (034) 3773.0809
- Website: <http://www.infonet.com.vn>
- Mã chứng khoán: CMT
- Sàn giao dịch: HOSE

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- **Thành lập:** Theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông (INFONET) được thành lập ngày 15/7/2003, trên cơ sở kế thừa và tái cấu trúc công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại Tin học Toàn Cầu.
- **Thời điểm niêm yết:** Ngày 11/3/2010, thời điểm đánh dấu bước phát triển quan trọng của INFONET khi công ty lần đầu tiên đăng ký niêm yết và chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với tên mã chứng khoán là CMT.

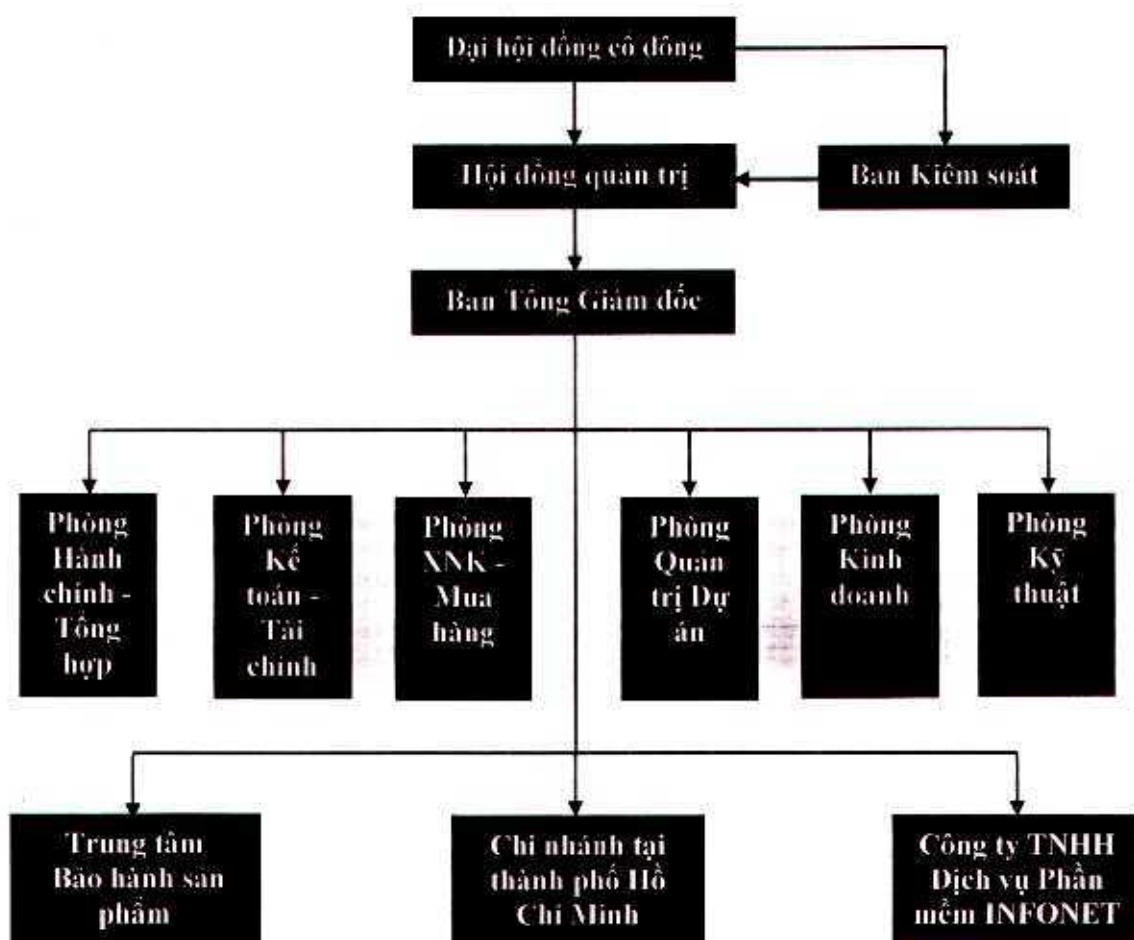
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- **Ngành nghề kinh doanh chính trong 2 năm gần nhất:**
 - + Tư vấn xây dựng các giải pháp tổng thể về công nghệ tin học, viễn thông;
 - + Cung cấp các giải pháp trong lĩnh vực công nghệ tin học, viễn thông;
 - + Cung cấp thiết bị, phần mềm và dịch vụ lắp đặt, cấu hình, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị điện tử, tin học, viễn thông;
 - + Cung cấp dịch vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học, viễn thông.
- **Địa bàn kinh doanh trong 02 năm gần nhất:** Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh..

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.



- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý.

+ **Đại hội đồng Cổ đông:** Các cổ đông

+ **Hội đồng quản trị:**

Chủ tịch: Trần Thanh Hải

Ủy viên: Lê Ngọc Tú

Ủy viên: Phạm Ngọc Sơn

Ủy viên: Phạm Duy Hùng

Ủy viên: Lê Trọng Đại

+ **Ban Điều hành:**

Tổng Giám đốc: Lê Ngọc Tú

Phó Tổng Giám đốc: Phạm Ngọc Sơn

Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Đức Thuận

Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hoa

Giám đốc Chi nhánh: Trần Kim Cương

+ Các phòng ban chức năng:

Phòng Hành chính – Nhân sự

Phòng Kế toán - Tài chính

Phòng XNK - Mua hàng

Phòng Quản trị Dự án

Phòng Kinh doanh

Phòng Kỹ thuật

- Công ty con:

+ Tên Công ty: Công ty TNHH Dịch vụ Phần mềm INFONET.

+ Địa chỉ: Phòng 501, tòa nhà INFONET, số 33 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

+ Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh phần mềm tin học, viễn thông và cung cấp dịch vụ cài đặt, cấu hình, đào tạo, chuyển giao công nghệ phần mềm tin học, viễn thông.

+ Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của công ty tại công ty con: 100%.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thuận.

- Chi nhánh:

+ Tên Chi nhánh: Chi nhánh – Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.

+ Địa chỉ: Lầu 6, tòa nhà Phoenix, 18-20 Phước Hưng, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Mục tiêu chính của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin - Một lĩnh vực kinh doanh đầy tiềm năng và mở rộng tại Việt Nam.

+ Cung cấp cho khách hàng dịch vụ hoàn hảo nhất và bảng giá thiết bị hợp lý nhất.

+ Phần đầu năm sau tăng trưởng hơn năm trước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tăng cường chất lượng quản lý và chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng.

+ Tập trung vào xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể cho hệ thống ngân hàng, tài chính, bưu chính, viễn thông và các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, ...

+ Tập trung nghiên cứu các giải pháp và công nghệ ứng dụng cho mạng thế hệ 5G.

+ Tăng cường công tác đào tạo nhân viên, xây dựng văn hóa công ty, lấy yếu tố con người làm trọng tâm cho sự phát triển của công ty.

+ Củng cố và xây dựng quan hệ với các đối tác công nghệ hàng đầu.

+ Tiến tới tái cấu trúc công ty theo mô hình công ty mẹ con nhằm chuyên nghiệp hóa các bộ phận kinh doanh, dịch vụ đầu tư.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế: Khi nền kinh tế suy thoái thì việc đầu tư của khách hàng giảm do sức mua của thị trường giảm.

- Rủi ro về pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam còn chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và ổn định.

- Rủi ro về đặc thù trong hoạt động kinh doanh:

+ Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là một lĩnh vực phát triển nhanh và mạnh.

+ Mặt hàng kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài nên chịu tác động của sự thay đổi về chính sách của nhà sản xuất, của thị trường nước ngoài, chính sách thuế của Nhà nước và sự biến động tỷ giá giữa đồng nội tệ và ngoại tệ. Dẫn đến, giá hàng hóa đầu vào không cố định.

+ Do đặc thù kinh doanh của Công ty nên ngân hàng chỉ cho vay ngắn hạn khi Công ty có nhu cầu bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Trong khi đó lại thường xuyên bị chiếm dụng vốn và luôn phải trả trước cho đối tác.

- Rủi ro về việc niêm yết cổ phiếu: Việc biến động giá cổ phiếu trên thị trường làm ảnh hưởng đến thương hiệu và giá trị của Công ty. Trên thực tế, sự biến động giá cổ phiếu là không thể tránh khỏi, giá cổ phiếu trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như: cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế, xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư,

- Rủi ro khác: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762
2	Giá vốn hàng bán	356.541.311.706
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.463.326.056
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.970.165.791
5	Chi phí tài chính	4.546.612.789
	Trong đó: Chi phí lãi vay	3.563.429.943
6	Chi phí bán hàng	2.093.261.828
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.557.278.584
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.236.338.646
9	Thu nhập khác	46.514
10	Chi phí khác	314.434.615
11	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	9.921.950.545
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.661.468.502

2. Tổ chức và nhân sự.

- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 Những khoản nợ với công ty: Không có.
 Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Phó Tổng Giám đốc.

- + Họ và tên: Nguyễn Đức Thuận
- + Giới tính: Nam
- + Sinh ngày: 20/06/1974
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Số CMND: 012247073 do CATP Hà Nội cấp ngày 07/4/2008.
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Đức Thịnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh.
- + Hộ khẩu thường trú: P414 TT Ban Tôn giáo Chính phủ, Công Vị, Ba Đình, Hà Nội.
- + Trình độ văn hóa: PTTH
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.
- + Quá trình công tác:
 - 12/1996 -> 06/2001: Công ty HANOSIMEX.
 - 06/2001 -> 05/2003: Công ty TNHH Dương Đạt.
 - 05/2003 -> 05/2005: Công ty XNK INTIMEX.
 - 05/2005 -> 04/2010: Công ty TNHH Công nghệ Việt Hàn.
 - 04/2010 -> 05/2011: Công ty TNHH Công nghệ ITS
 - 05/2011 -> nay: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Tổng Giám đốc/Công bố thông tin
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2016: 65.000 Cổ phần.
- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 Những khoản nợ với công ty: Không có.
 Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Kế toán trưởng:

- + Họ và tên: Nguyễn Thị Hoa
- + Giới tính: Nữ
- + Sinh ngày: 10/10/1981
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Số CMND: 013221192 do CATP Hà Nội cấp ngày 08/08/2009
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hoàng Trạch, Hoàng Hóa, Thanh Hóa
- + Hộ khẩu thường trú: 18i dãy I, ngách 34/153 Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- + Trình độ văn hóa: PTTH

a) Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.

- Tổng Giám đốc.

- + Họ và tên: Lê Ngọc Tú
- + Giới tính: Nam
- + Sinh ngày: 02/08/1975
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Số CMND: 001075002804 do CATP Hà Nội cấp ngày 27/10/2014
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Thanh Hóa.
- + Hộ khẩu thường trú: 1705 Tầng 17 Trong TH TTTM và CH Vincom Park Place, Lê Đại Hành, Hà Nội.
- + Trình độ văn hóa: PTTH
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin
- + Quá trình công tác:
 - 1998 -> 2003: Công ty Thương mại và Phát triển Công nghệ HTT.
 - 2003 -> nay: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2016: 1.280.000 Cổ phần.
- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 - Những khoản nợ với công ty: Không có.
 - Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Phó Tổng Giám đốc.

- + Họ và tên: Phạm Ngọc Sơn
- + Giới tính: Nam
- + Sinh ngày: 03/12/1977
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Số CMND: 001077003060 do CATP Hà Nội cấp ngày 27/10/2014.
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hà Nội
- + Hộ khẩu thường trú: 36-B5 Thành Công, Hà Nội.
- + Trình độ văn hóa: PTTH
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điện tử - Viễn thông
- + Quá trình công tác:
 - 10/2000 -> 10/2010: Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC
 - 10/2010 -> nay: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2016: 59.500 cổ phần.

- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- + Quá trình công tác:
 - 10/2004 -> 09/2008: Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật An Ninh
 - 10/2008 -> 10/2009: Công ty Cổ phần Mặt Trời Vàng
 - 10/2010 -> nay: Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- + Số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm 31/12/2016: 0 cổ phần.
- + Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không có.
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
 - Những khoản nợ với công ty: Không có.
 - Lợi ích liên quan đến công ty: Không có.

- Giám đốc Chi nhánh.

- + Họ và tên: Trần Kim Cương
- + Giới tính: Nam
- + Sinh ngày: 20/6/1977
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + CMND số: 025619848 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/04/2012.
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Đại Lãnh, Đại Lộc, Quảng Nam.
- + Hộ khẩu thường trú: B9-5 Khu căn hộ 584, Phú Thọ Hòa, Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
- + Trình độ văn hóa: PTTH
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị doanh nghiệp.
- + Quá trình công tác:
 - 1999 -> 2008: Công ty Phần mềm CMC Soft.
 - 2008 -> 2012: Công ty Tích hợp hệ thống CMC SI Sai Gon.
 - 2012 -> 2014: Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ABT.
 - 2014 -> 2017: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ - Đầu tư tài chính..
 - 2017 -> nay: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông.
- + Chức vụ hiện nay tại công ty: Giám đốc Chi nhánh.
- + Số cổ phần được ủy quyền (hoặc) nắm giữ: 0 cổ phần.

b) Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên và chế độ, chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên của công ty tại thời điểm 31/12/2017 là: 70 người.
- Chế độ, chính sách đối với người lao động: Thực hiện tối thiểu theo đúng quy định của Luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm: Không có.

b) Tóm tắt hoạt động kinh doanh của công ty con và chi nhánh.

- Công ty TNHH Dịch vụ Phần mềm INFONET.

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu thuần	2.005.900.000
2	Lợi nhuận sau thuế	- 63.622.241

- Chi nhánh.

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu thuần	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 185.033.765

4. Tóm tắt tình hình tài chính.

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2017
I	Tổng tài sản	267.362.381.056
1	Tài sản ngắn hạn	228.195.033.970
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	38.495.182.089
1.2	Các khoản đầu tư ngắn hạn	
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	171.491.412.829
1.4	Hàng hóa tồn kho	18.153.186.044
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	55.253.008
2	Tài sản dài hạn	39.167.347.086
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	57.829.529
2.2	Tài sản cố định	28.423.919.702
2.3	Bất động sản đầu tư	
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	
2.5	Tài sản dở dang dài hạn	10.574.119.109
2.6	Tài sản dài hạn khác	111.478.746
II	Nguồn vốn	267.362.381.056
1	Nợ phải trả	124.353.250.611
1.1	Nợ ngắn hạn	120.508.794.212
1.2	Nợ dài hạn	3.844.456.399
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	143.009.130.445
2.1	Vốn chủ sở hữu	80.000.000.000
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.**- Khả năng thanh toán:**

1	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,7425
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	1,8936

- Quản lý nợ:

1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,4651
2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,8695

- Hiệu quả hoạt động:

1	Vòng quay hàng hóa tồn kho	7,3428
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,4625

- Khả năng sinh lời:

1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0196
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0536
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0287
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,0262

5. Có cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**a) Cổ phần (tại thời điểm 19/03/2015):**

- Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 7.283.370 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu Cổ đông (tại thời điểm 29/03/2018):**- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.**

Stt	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	6.643.150	83,04%
	- Cổ đông cá nhân	5.926.520	10,79%
	- Cổ đông tổ chức	716.630	89,21%
2	Cổ đông nước ngoài	1.356.850	16,96%
	- Cổ đông cá nhân	229.980	16,95%
	- Cổ đông tổ chức	1.126.870	83,05%

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức.

Stt	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông cá nhân	6.156.500	76,95%
	- Cổ đông trong nước	5.926.520	96,26%
	- Cổ đông nước ngoài	229.980	3,74%

2	Cổ đông tổ chức	1.843.500	23,05%
	- Cổ đông trong nước	716.630	38,87%
	- Cổ đông nước ngoài	1.126.870	61,13%

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác.

Stt	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông nhà nước	0	0,00%
2	Cổ đông khác	8.000.000	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 29/03/2017 là: 716.630 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu quỹ đã giao dịch trong năm là: 0 cổ phiếu.

e) Các loại chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	450.000.000.000	391.004.637.762	86,89%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.500.000.000	7.661.468.502	102,15%

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với năm trước liền kề:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016 (VND)	Năm 2017 (VND)	Tỷ lệ % Tăng (+) /giảm (-)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	446.137.417.351	391.004.637.762	- 12,36%
2	Giá vốn hàng bán	405.712.828.589	356.541.311.706	- 12,12%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.424.588.762	34.463.326.056	- 14,75%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	599.464.695	1.970.165.791	+ 228,65%
5	Chi phí tài chính	6.993.789.425	4.546.612.789	- 34,99%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	5.152.955.685	3.563.429.943	- 30,85%
6	Chi phí bán hàng	4.652.453.952	2.093.261.828	- 55,01%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.480.538.606	19.557.278.584	- 20,11%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.897.271.474	10.236.338.646	+ 109,02%

9	Thu nhập khác	5.077.722.206	46.514	- 99,99%
10	Chi phí khác	592.418.305	314.434.615	- 46,92%
11	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	9.382.575.375	9.921.950.545	+ 5,75%
12	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.245.925.564	7.661.468.502	+ 5,73%

- Những tiền bộ đạt được trong năm:

+ Tìm kiếm thêm được một số khách hàng mới.

2. Đánh giá về tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính:

Stt	Chi tiêu	Năm 2016 (VND)	Năm 2017 (VND)	Tỷ lệ % Tăng (+) /giảm (-)
I	Tổng tài sản	330.204.754.467	267.362.381.056	- 19,03%
1	Tài sản ngắn hạn	295.423.341.832	228.195.033.970	- 22,76%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	30.865.502.084	38.495.182.089	+ 24,72%
1.2	Các khoản đầu tư ngắn hạn			
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	173.629.806.976	171.491.412.829	- 1,23%
1.4	Hàng hóa tồn kho	88.346.876.089	18.153.186.044	- 79,45%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	2.581.156.683	55.253.008	- 97,86%
2	Tài sản dài hạn	34.781.412.635	39.167.347.086	+ 12,61%
2.1	Các khoản phải thu dài hạn		57.829.529	
2.2	Tài sản cố định	26.397.991.793	28.423.919.702	+ 7,67%
2.3	Bất động sản đầu tư			
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
2.5	Tài sản dở dang dài hạn	8.324.304.553	10.574.119.109	+ 27,03%
2.6	Tài sản dài hạn khác	59.116.289	111.478.746	+ 88,58%
II	Nguồn vốn	330.204.754.467	267.362.381.056	- 19,03%
1	Nợ phải trả	193.236.441.139	124.353.250.611	- 35,65%
1.1	Nợ ngắn hạn	182.357.818.791	120.508.794.212	- 33,92%
1.2	Nợ dài hạn	10.878.622.348	3.844.456.399	- 64,66%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	136.968.313.328	143.009.130.445	+ 4,41%
2.1	Vốn chủ sở hữu	136.968.313.328	143.009.130.445	+ 4,41%
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

- Khả năng thanh toán:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,1246	1,7425
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	1,6200	1,8936

- Quản lý nợ:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,5852	0,4651
2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,4108	0,8695

- Hiệu quả hoạt động:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Vòng quay hàng hóa tồn kho	4,6021	7,3428
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,3511	1,4625

- Khả năng sinh lời:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0162	0,0196
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0529	0,0536
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0219	0,0287
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,0110	0,0262

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống và phù hợp với tình hình kinh tế chung.

- Tổ chức và tạo điều kiện cho CBNV trong Công ty tham gia các khóa đào tạo nâng cao của nhà sản xuất.

- Đưa ra các chính sách bán hàng linh hoạt và khuyến khích người lao động.

- Xây dựng thêm một số quy định về quy trình thực hiện công việc và bổ sung, sửa đổi các quy định cũ cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có): Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

- Công tác quản lý tài chính: Bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện theo đúng chế độ chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu chi, đảm bảo đủ vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Chế độ chính sách với người lao động: Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước đối với người lao động.

- Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng: Thực hiện đầy đủ theo các quy định của Nhà nước đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Đối với thương hiệu công ty: Ngày càng được nhiều khách hàng, đối tác trong và ngoài nước biết đến.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông.

3. Các định hướng và kế hoạch của Hội đồng Quản trị.

- Phương hướng hoạt động kinh doanh:

- + Phát triển thị trường khu vực phía Nam.
- + Nghiên cứu các giải pháp công nghệ ứng dụng cho mạng thế hệ 5G và sản phẩm, dịch vụ hướng tới thị trường với người dùng cuối.
- + Tiếp tục tập trung vào việc xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể về công nghệ thông tin cho hệ thống ngân hàng, tài chính, bưu chính, viễn thông và các doanh nghiệp.
- + Củng cố và xây dựng quan hệ với các đối tác công nghệ hàng đầu, lấy chất lượng sản phẩm, dịch vụ làm trọng tâm cho sự phát triển của công ty.
- + Tìm các giải pháp để giảm giá vốn, tăng tính cạnh tranh.
- + Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, cắt giảm các chi phí không hợp lý, đặc biệt các hạng mục không phục vụ trực tiếp kinh doanh.

- Kế hoạch hoạt động kinh doanh.

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 450.000.000.000 đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 7.500.000.000 đồng.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Stt	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	19,77%	Thành viên tham gia điều hành
2	Ông Lê Ngọc Tú	Ủy viên	17,57%	
3	Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên	-	
4	Ông Lê Trọng Đại	Ủy viên	-	Thành viên độc lập
5	Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	-	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp của HĐQT: Trong kỳ HĐQT họp 12 buổi.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	12	100%	
2	Ông Lê Ngọc Tú	Ủy viên	12	100%	
3	Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên	12	100%	

4	Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên	12	100%	
5	Ông Lê Trọng Đại	Ủy viên	12	100%	

- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc: Hội đồng Quản trị họp định kỳ hàng tháng với Ban điều hành công ty để nghe báo cáo tình hình kinh doanh và các mặt hoạt động khác của công ty. Đồng thời, cùng với Ban điều hành giải quyết những công việc của công ty và đề ra phương hướng hoạt động của những tháng tiếp theo.

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không có các tiểu ban.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

+ Số 2202/2016/NQ-CMT, ngày 22/02/2016 V/v Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông năm 2016.

+ Số 2312/2016/NQ-CMT, ngày 23/12/2016 V/v Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cùng các thành viên Hội đồng quản trị khác chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

e) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không có các tiểu ban.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Kiều Dung	Trưởng ban	0,10%	
2	Bà Trần Mai Lan	Thành viên	0,08%	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 và các cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Xem xét Báo cáo tài chính của Công ty.

- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành.

- Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

3. Các giao dịch và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên Hội đồng quản trị điều hành: 5.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Trưởng Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có.
 - c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.
 - d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Không vi phạm quy định của pháp luật về quản trị công ty.
- VI. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

NĂM 2017

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82 Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo tài chính HNĐông tin tài chính năm 2017	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán HN tại ngày 31/12/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HN năm năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ HN năm năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính HN năm 2017	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 09 năm 2017. Theo đó:

Vốn Điều lệ của Công ty: 80.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Toà nhà Infonet, Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Phòng 501 toà nhà Infonet số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV phần mềm và truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%) (*) (*) Đã giải thể doanh nghiệp	Tầng 4, số 31B/151A phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Tên chi nhánh**Tên chi nhánh****Địa chỉ**

Chi nhánh - Công ty CP công nghệ mạng và Truyền thông

Lầu 6 Tòa nhà Phoenix, 18-20, Phước Hưng, phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;
- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;

- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|----------------------|---------------|
| 1 Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Lê Ngọc Tú | Ủy viên |
| 3 Ông Phạm Duy Hùng | Ủy viên |
| 4 Ông Phạm Ngọc Sơn | Ủy viên |
| 5 Ông Lê Trọng Đại | Ủy viên |

B Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Ngọc Tú | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Nguyễn Đức Thuận | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Phạm Ngọc Sơn | Phó Tổng Giám đốc |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông

Tổng Giám đốc

Lê Ngọc Tú

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Số: /2018/BCKT/BCTCHN-CPA HA NOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2017

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông được lập ngày 01/03/2018 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến ngoại trừ

Năm 2017, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infomet với tổng tài sản là 1.132.093.659 đồng là công ty con của Công ty cổ phần công nghệ mạng và truyền thông chưa được thực hiện kiểm toán. Do đó chúng tôi không đưa ra ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại "Cơ sở ý kiến ngoại trừ" Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Công nghệ mạng và truyền thông tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị rằng: Tổng công nợ của đơn vị là 171.491.412.829 đồng. Đơn vị đã thực hiện đối chiếu công nợ và có xác nhận đầy đủ của khách hàng. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng đã tiến hành làm thủ tục gửi thư xác nhận và tiến hành các thủ tục thay thế bổ sung nhằm chứng minh khoản mục phải thu của đơn vị. Tuy nhiên, tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được phản hồi của thư xác nhận KTV gửi.

Trong năm tài chính 2017, Công ty cổ phần Công nghệ và truyền thông có hoàn thành thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV phần mềm truyền thông - là công ty con của Công ty cổ phần công nghệ mạng và truyền thông. Căn cứ vào Thông báo giải thể số 607568/17 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội ngày 22/11/2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2018

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
(CPAHANOI)
Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Giấy CNDKHNKT số: 0231-2013-016-1

Giấy CNDKHNKT số: 0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		228.195.033.970	295.423.341.832
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	38.495.182.089	30.865.502.084
1. Tiền	111		28.495.182.089	25.865.502.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.491.412.829	173.629.806.976
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	163.495.992.951	130.107.159.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.114.815.500	18.701.004.155
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	2.276.017.699	23.217.056.876
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(395.413.321)	(395.413.321)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	18.153.186.044	88.346.876.089
1. Hàng tồn kho	141		18.153.186.044	88.346.876.089
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.253.008	2.581.156.683
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	17.989.428	2.397.505.395
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16b	37.263.580	183.651.288
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.167.347.086	34.781.412.635
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		57.829.529	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	57.829.529	-
II. Tài sản cố định	220		28.423.919.702	26.397.991.793
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	2.947.169.702	671.404.991
- Nguyên giá	222		7.575.695.622	4.878.117.684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.628.525.920)	(4.206.712.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.476.750.000	25.726.586.802
- Nguyên giá	228		37.950.882.207	37.950.882.207
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.474.132.207)	(12.224.295.405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	10.574.119.109	8.324.304.553
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.574.119.109	8.324.304.553
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		111.478.746	59.116.289
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	111.478.746	59.116.289
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.362.381.056	330.204.754.467

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.353.250.611	193.236.441.139
I. Nợ ngắn hạn	310		120.508.794.212	182.357.818.791
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	44.300.724.571	35.576.322.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	20.024.504.373	57.560.105.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	4.211.941.631	198.413.779
4. Phải trả người lao động	314		2.533.083.212	1.988.793.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	356.601.292
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	365.322.134	311.976.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	43.791.750.570	81.808.731.298
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.281.467.721	4.556.875.165
II. Nợ dài hạn	330		3.844.456.399	10.878.622.348
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	7.758.758.505
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.844.456.399	3.119.863.843
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.009.130.445	136.968.313.328
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	143.009.130.445	136.968.313.328
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(5.233.803.523)	(5.233.803.523)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.011.828.236	27.577.384.062
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.248.499.290	1.886.203.012
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		32.982.606.442	32.738.529.777
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.321.137.940	25.492.604.213
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.661.468.502	7.245.925.564
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		267.362.381.056	330.204.754.467

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Minh

Nguyễn Thị Hoa

Lê Ngọc Tú

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lợi nhuận từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
1		3	6	7
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	391.004.637.762	446.137.417.351
2.	Các khoản giảm trừ	VI.02	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.03	391.004.637.762	446.137.417.351
4.	Giá vốn hàng bán	VI.04	356.541.311.706	405.712.828.589
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		34.463.326.056	40.424.588.762
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	1.970.165.791	599.464.695
7.	Chi phí tài chính	VI.06	4.546.612.789	6.993.789.425
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.562.429.943	5.152.955.685
8.	Chi phí bán hàng	VI.07	2.093.261.828	4.652.453.952
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.08	19.557.278.584	24.480.538.606
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.236.338.646	4.897.271.474
11.	Thu nhập khác	VI.09	46.514	5.077.722.206
12.	Chi phí khác	VI.10	314.434.615	592.418.305
13.	Lợi nhuận khác		(314.388.101)	4.485.303.901
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.921.950.545	9.382.575.375
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.11	2.260.482.043	2.136.649.811
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.661.468.502	7.245.925.564
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	1.052	995
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Minh

Nguyễn Thị Hoa

Lê Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	347.046.326.926	400.890.989.322
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(279.687.865.326)	(416.156.813.687)
3. Tiền trả cho người lao động	03	(8.889.496.264)	(9.797.483.219)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.919.031.235)	(5.107.970.683)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(1.541.774.651)	(5.194.139.099)
6. Tiền thu khác từ các hoạt động kinh doanh	06	41.052.580.408	86.353.319.438
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.868.649.823)	(87.228.396.278)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>50.192.090.035</i>	<i>(36.240.494.206)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi do mua sắm TSCĐ, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21	(342.960.485)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.294.529.651	-
7. Thu lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	261.760.036	426.404.863
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>3.213.329.202</i>	<i>12.426.404.863</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	123.200.641.984	258.914.233.441
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(168.976.381.216)	(233.933.000.000)
5. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(45.775.739.232)</i>	<i>24.981.233.441</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>7.629.680.005</i>	<i>1.167.144.098</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>	<i>30.865.502.084</i>	<i>29.697.915.945</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		442.041
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>38.495.182.089</i>	<i>30.865.502.084</i>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018
 Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh

Nguyễn Thị Hoa

Lê Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học Toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101122893 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 13 ngày 11 tháng 09 năm 2017. Theo đó:

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%)	Phòng 501, Tòa nhà Infonet, Số 33 phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Công ty TNHH MTV phần mềm Truyền thông (tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%) (*)	Tầng 4, số 31B/151A phố Thái Hà, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

(*) Đã giải thể doanh nghiệp

Chi nhánh

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông	Lầu 6 Tòa nhà Phoenix, 18-20, Phước Hưng, phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun nước, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin (Hoạt động theo chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.
3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tồn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BDS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

6. Nguyên tắc kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ:***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:***

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Phần mềm quản lý	03 - 07 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính : Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp : là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính : Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan : Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Số cuối Năm	Số đầu năm
1. Tiền		
Tiền mặt	1.803.438.017	3.972.124.605
Tiền gửi ngân hàng	36.691.744.072	26.893.377.479
- Tiền gửi VNĐ	26.618.966.270	21.830.421.299
Ngân hàng TMCP Quân Đội	18.019.366.576	15.824.777.739
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Hà Tây	50.487.413	50.265.761
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	112.758.259	514.335.758
Công ty CP Chứng khoán FPT	6.595	6.595
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	3.334.426	3.334.426
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	135.291.754	137.852.192
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	8.237.088.009	5.279.856.678
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	60.633.238	18.925.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	1.067.150
- Tiền gửi USD	72.777.802	62.956.180
Ngân hàng TMCP Quân Đội	72.777.802	62.956.180
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	10.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	<i>10.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Cộng	38.495.182.089	30.865.502.084
2. Phải thu của khách hàng	Số cuối Năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	163.495.992.951	130.107.159.266
Công An Thành phố Hà Nội	4.255.095.382	
Công ty công nghệ thông tin điện lực Miền Bắc	6.213.114.786	44.609.420.640
Tổng công ty hạ tầng mạng	14.923.627.000	8.965.440.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	12.416.540.000	29.842.382.252
Công ty TNHH STARVIEW Việt Nam	5.230.859.126	5.230.859.126
Viện chiến lược Khoa học Công An		1.622.178.476
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		16.507.985.544
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam		12.312.000.000
Viện nghiên cứu và Phát triển Viettel	1.999.443.767	9.112.376.104
Tổng công ty truyền thông	4.253.320.000	
Tổng cục hậu cần - kỹ thuật Bộ Công an	38.416.500.774	-
Cục công nghệ thông tin và TK Hải Quan	8.756.522.500	-
NH TMCP Công thương Việt Nam		-
Ngân hàng chính sách xã hội	17.999.199.900	
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	26.829.280.000	
Trung tâm điều độ điện Quốc gia Việt Nam	7.865.746.240	
Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy	10.251.943.720	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	2.147.138.987	-
Văn phòng BCA	1.045.197.785	1.045.197.785
Các đối tượng khác	892.462.984	859.319.339

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-		
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-		
Cộng			163.495.992.951	130.107.159.266
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn			Số cuối Năm	Số đầu năm
CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hoa Mặt trời toàn cầu	358.217.157	-		
Công ty CP Bền	31.508.999	31.508.999		
TELCOM NETWORKS ASIA		607.115.514		
Công ty CP Du lịch hữu hạn làng Nghi Tàm	46.212.500	46.212.500		
Netpoleon IndoChina Pte Ltd		567.500.000		
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ MW Việt		378.247.207		
Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Bảo Sơn	60.000.000	60.000.000		
Cty TNHH Giải pháp nền tảng thông tin và truyền thông (NT&T)	987.930.756	-		
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K		55.000.000		
Công ty TNHH MTV công nghệ và dịch vụ Phương Tây	3.122.057.460	15.010.551.660		
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ thư viện T&T	50.875.000	50.875.000		
Công ty CP Công nghệ Tinh Vân	746.248.000	-		
Công ty CP phát triển phần mềm và hỗ trợ công nghệ	90.000.000	-		
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo Công nghệ thông tin VNE	127.380.000	-		
Công ty Cổ phần thông tin Hà Việt	142.800.000	-		
Công ty TNHH phát triển đầu tư và thương mại A.I.P	141.350.000	-		
Specialised Products	210.235.628	-		
Tadiran Telecom Business Systems Ltd	-	226.532.153		
Công ty TNHH Phân phối FPT	-	96.305.000		
Công ty Luật TNHH Minh Khuê	-	11.000.000		
Công ty TNHH Starview Việt Nam	-	399.938.000		
Các đối tượng khác	-	1.160.218.122		
Cộng			6.114.815.500	18.701.004.155
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn			Số cuối Năm	Số đầu năm
Công ty CP Bất động sản BIGHOMES _ BIGSHOMES	-	2.000.000.000		
Cộng			-	2.000.000.000
5. Phải thu khác			Số cuối Năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.276.017.699	-	23.217.056.876	-
Tạm ứng	350.953.976	-	244.053.976	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Các khoản phải thu khác	1.925.063.723	-	1.933.425.806	-
<i>Cty TNHH Công nghệ ISI</i>	1.874.166.300	-	1.874.166.300	-
<i>Thuế TNCN phải thu CBNV</i>	28.950.211	-	28.950.211	-
<i>BHXH</i>	12.427.268	-	12.928.987	-
<i>Chi cục Hải quan bưu điện Hà Nội</i>		-	7.920.455	-
<i>Công ty điện lực Đống Đa</i>		-	7.860.364	-
<i>Đối tượng khác</i>	9.519.944	-	1.599.489	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-	21.039.577.094	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	-	-	20.988.497.565	-
<i>Công ty công nghệ thông tin điện lực miền bắc</i>	-	-	44.550.000	-
<i>Ký cược Ký quỹ ngắn hạn khác</i>	-	-	6.529.529	-
b. Dài hạn	57.829.529	-	-	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	57.829.529	-	-	-
Cộng	2.333.847.228	-	23.217.056.876	-

6. Nợ xấu trích lập dự phòng

	Số dự phòng cuối Năm	Số trích thêm trong Năm	Số hoàn nhập trong Năm	Số dự phòng đầu năm
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(395.413.321)	-	-	(395.413.321)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối Năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.046.682.449	-	2.724.310.554	-
Hàng hóa	3.106.503.595	-	85.622.565.535	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	18.153.186.044	-	88.346.876.089	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối Năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>17.989.428</i>	<i>2.397.505.395</i>
Thuế GTGT được khấu trừ	17.989.428	2.397.505.395
<i>Dài hạn</i>	-	-
Cộng	17.989.428	2.397.505.395

9. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000		12.474.132.207	37.950.882.207
Tăng trong năm	-		-	-
Giảm trong năm	-		-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	25.476.750.000		12.474.132.207	37.950.882.207
Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>			12.224.295.405	12.224.295.405
Khấu hao trong Năm	-		249.836.802	249.836.802
Giảm trong Năm	-		-	-
<i>Số dư cuối Năm</i>			12.474.132.207	12.474.132.207
Giá trị còn lại				
<i>Số dư đầu năm</i>	25.476.750.000		249.836.802	25.726.586.802
<i>Số dư cuối Năm</i>	25.476.750.000		-	25.476.750.000
11. Chi phí XDCB dở dang			Số cuối Năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty tại 33 Vũ Ngọc Phan			10.574.119.109	8.324.304.553
Cộng			10.574.119.109	8.324.304.553
12. Chi phí trả trước			Số cuối Năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn khác			111.478.746	59.116.289
Cộng			111.478.746	59.116.289
13. Phải trả người bán		Số cuối Năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	44.300.724.571	44.300.724.571	35.576.322.015	35.576.322.015
Công ty TNHH MGE UPS SYSTEMS Việt Nam	452.208.886	452.208.886	452.208.886	452.208.886
Turaz.,Ltd	3.698.578.113	3.698.578.113	3.883.416.000	3.883.416.000
BLITZ IT CONSULTANTS PTE LTD	-	-	145.307.500	145.307.500
ECI telecom LTD	162.671.980	162.671.980	256.000.070	256.000.070
EZY infotech PTE.LTD	1.708.500.456	1.708.500.456	1.709.250.456	1.709.250.456
ROYAL ASIA (GROUP) LIMITED	1.794.686.991	1.794.686.991	1.795.474.826	1.795.474.826
Starview International Pte Ltd	7.957.516.890	7.957.516.890	7.961.010.093	7.961.010.093
Specialised Products	-	-	2.020.392.754	2.020.392.754
Công ty TNHH MTV giải pháp phần mềm và tích hợp hệ thống Tinh Vân	1.833.896.400	1.833.896.400	4.279.091.600	4.279.091.600
Công ty CP đầu tư và xây lắp kỹ thuật hạ tầng	2.221.637.910	2.221.637.910	10.998.318.870	10.998.318.870

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Công ty tin học MIMI	1.779.317.054	1.779.317.054	-	-
Công ty Cổ phần FINTECHVIET	720.000.000	720.000.000	-	-
Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ kỹ thuật Trường Anh	915.225.567	915.225.567	-	-
Công ty TNHH hệ thống tin học viễn thông NDS	6.758.638.370	6.758.638.370	-	-
Công ty TNHH tin học viễn thông Song Việt	542.257.650	542.257.650	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và giải pháp mạng Bảo Ngọc	636.634.764	636.634.764	-	-
Ingram Micro Asia Ltd	5.474.986.204	5.474.986.204	-	-
MATERIAL NETWORKS ASIA	2.943.150.033	2.943.150.033	-	-
TELCOM NETWORKS ASIA	3.235.417.684	3.235.417.684	-	-
Các đối tượng khác	1.465.399.619	1.465.399.619	2.075.850.960	2.075.850.960
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	44.300.724.571	44.300.724.571	35.576.322.015	35.576.322.015

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối Năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	19.974.504.373	57.560.105.500
Công an tỉnh Ninh Bình		18.800.000.000
Cục tin học nghiệp - Tổng cục Hậu cần kỹ thuật -BCA	5.766.782.007	5.766.782.007
Trường đại học Phòng cháy chữa cháy		10.307.975.880
Ngân hàng TMCP Quân Đội		9.530.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		5.052.800.000
Công ty TNHH Công nghệ và dịch vụ PSIV	4.768.335.000	4.768.335.000
Học viện chính trị công an nhân dân		2.580.000.000
Tập đoàn Vingroup		753.812.613
Cục tài vụ - Quản trị	7.985.387.366	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.454.000.000	-
Chi nhánh Công ty	50.000.000	
Cộng	20.024.504.373	57.560.105.500

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <Xem chi tiết tại phụ lục số 02>**16. Chi phí phải trả****Số cuối Năm****Số đầu năm**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a/ Ngắn hạn	-	-	356.601.292	356.601.292
Lãi vay phải trả NH TMCP Quân Đội	-	-	356.601.292	356.601.292
Cộng	-	-	356.601.292	356.601.292
17. Phải trả ngắn hạn khác			Số cuối Năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác			365.322.134	311.976.155
<i>CN Cty TNHH DV giao nhận hàng hóa Mặt trời toàn cầu</i>			-	156.421.990
<i>CN Cty TNHH TM & DV Song Bình-TT CPN Phía Bắc</i>			-	26.291.070
<i>Công ty CP du lịch và hợp tác Quốc Tế Việt</i>			-	52.114.000
<i>Tổng công ty bảo hiểm PVI</i>			3.726.395	34.501.358
<i>Chi cục Hải quan Bắc Hà Nội - Hàng không</i>			313.385	313.385
<i>Cục thuế thành phố Hà Nội</i>			40.719.352	40.719.352
<i>Ông Hoàng Văn Trường</i>			9.500	9.500
<i>Ông Nguyễn Đức Trường</i>			1.605.500	1.605.500
<i>INFONET - HDQT & BKS</i>			315.600.000	-
<i>Phải trả phải nộp khác</i>			3.348.002	-
Cộng			365.322.134	311.976.155
18. Vay ngắn hạn, dài hạn: Xem chi tiết tại Phụ lục 03				
19. Vốn góp chủ sở hữu				
19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>				
19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:			Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu năm			80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong Năm			-	-
Vốn góp giảm trong Năm			-	-
Vốn góp cuối Năm			80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia				-
19.3 Cổ phiếu			Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:			8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:			8.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>			8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			716.630	716.630
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>			716.630	716.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:			7.283.370	7.283.370

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNGĐịa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Cổ phiếu phổ thông	7.283.370	7.283.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

19.4 Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	33.011.828.236	27.577.384.062
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.248.499.290	1.886.203.012
Cộng	35.260.327.526	29.463.587.074

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762	446.137.417.351
Cộng	391.004.637.762	446.137.417.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.004.637.762	446.137.417.351
Cộng	391.004.637.762	446.137.417.351
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	356.541.311.706	405.712.828.589
Cộng	356.541.311.706	405.712.828.589
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	1.970.121.777	599.464.695
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	207.949.916	426.149.670
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.286.756	173.315.025
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.613.778.328	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	116.106.777	-
Chi nhánh công ty	5.198	-
Công ty TNHH dịch vụ phần mềm Infonet	38.816	-
Cộng	1.970.165.791	599.464.695
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.562.429.943	5.155.052.834
Lỗ do chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ	655.168.183	1.419.992.612
Lỗ do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	123.544.314	418.743.979
Chi phí tài chính khác	205.470.349	-
Cộng	4.546.612.789	6.993.789.425

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

cho năm tài chính

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	-	90.973.218
Tiền thưởng tiêu thụ hàng hoá của khách hàng	-	4.986.748.988
Thu nhập khác	46.514	-
Cộng	46.514	5.077.722.206

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế nộp chậm, phạt, truy thu	3.977.231	165.955.540
Phạt vi phạm hợp đồng	310.457.384	426.402.760
Xử lý công nợ	-	60.005
Cộng	314.434.615	592.418.305

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	9.921.950.545	9.382.575.375
Các khoản điều chỉnh tăng	1.356.290.757	2.330.296.849
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	1.029.623.169
Tổng thu nhập chịu thuế:	11.278.241.302	10.683.249.055
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	2.260.482.043	2.136.649.811
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
Thuế TNDN phải nộp	2.260.482.043	2.136.649.811

10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.661.468.502	7.245.925.564
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty	7.661.468.502	7.245.925.564
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.283.370	7.283.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.052	995

VIII. Những thông tin khác:**1. Công cụ tài chính:****1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối Năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.495.182.089	30.865.502.084
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	165.772.010.650	153.324.216.142
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.114.815.500	18.701.004.155
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	43.791.750.570	89.567.489.803
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	44.666.046.705	35.888.298.170
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	43.791.750.570	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	44.666.046.705	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan		Mối quan hệ
Cty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet		Công ty con
Chi nhánh Hồ Chí Minh		Chi nhánh
Nội dung giao dịch	Tên bên liên quan	Số tiền tại ngày 31/12/2017
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Cty TNHH Dịch vụ phần mềm Infonet	1.000.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	355.021.000

Thù lao của các thành viên chủ chốt	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	348.000.000	348.000.000

3. Báo cáo bộ phận

A. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động kinh doanh trong cùng một môi trường địa lý và trong cùng một phạm vi môi trường kinh tế nên không có sự khác biệt về điều kiện, chính trị, địa lý như đã nêu trong chuẩn mực.

B. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần công nghệ Mạng và Truyền thông là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu theo mã ngành thông tin và truyền thông. Các hoạt động đầu tư kinh doanh khác không có.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh HN, báo cáo lưu chuyển tiền tệ HN là số liệu cùng kỳ năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOL.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

6. Những thông tin khác

6.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,35	89,47
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,65	10,53
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,51	58,52
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,49	41,48
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,15	1,71
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,89	1,62
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,32	0,17
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,54	2,10
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,96	1,62
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,71	1,48
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,87	2,19

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

*Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Trần Thị Minh****Nguyễn Thị Hoa****Lê Ngọc Tú**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính HN
cho năm tài chính

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

09. Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	-	313.349.419	3.064.924.479	1.499.843.786	4.878.117.684
- Mua trong kỳ	-	-	-	2.697.577.938	2.697.577.938
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	313.349.419	3.064.924.479	4.197.421.724	7.575.695.622
Số dư đầu năm	-	313.349.419	2.661.628.488	1.231.734.786	4.206.712.693
- Khấu hao trong kỳ	-	-	239.786.718	182.026.509	421.813.227
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	313.349.419	2.901.415.206	1.413.761.295	4.628.525.920
- Tại ngày đầu năm	-	-	403.295.991	268.109.000	671.404.991
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	163.509.273	2.783.660.429	2.947.169.702

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính HN
cho năm tài chính
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

16a.b. Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	106.930.643	-	39.000.514.415	35.624.474.248	2.601.697	3.271.711.221
Thuế xuất nhập khẩu	27.632.873	-	15.146.426	15.146.426	27.632.873	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.058.762	-	2.376.593.431	1.639.886.039	7.029.010	694.648.630
Thuế thu nhập cá nhân	-	198.413.779	491.959.552	444.791.551	-	245.581.780
Các loại thuế khác	-	-	6.308.519	6.308.519	-	-
Cộng	176.622.278	198.413.779	41.890.522.343	37.730.606.783	37.263.580	4.211.941.631

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Tòa nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 0243-7730793 Fax: 0243-7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính HN
cho năm tài chính

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Phụ lục 04: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	(5.233.803.523)	21.569.439.736	1.485.673.390	32.885.390.832	130.706.700.435
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.245.925.564	7.245.925.564
- Tăng khác	-	-	6.007.944.326	400.529.622	1.040.764.529	7.449.238.477
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	8.433.551.148	8.433.551.148
2. Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.738.529.777	136.968.313.328
3. Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	(5.233.803.523)	27.577.384.062	1.886.203.012	32.738.529.777	136.968.313.328
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.661.468.502	7.661.468.502
- Tăng khác	-	-	5.434.444.174	362.296.278	-	5.796.740.452
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	6.521.333.008	6.521.333.008
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	5.434.444.174	5.434.444.174
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	724.592.556	724.592.556
+ Trích quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-	362.296.278	362.296.278
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	896.058.829	896.058.829
4. Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	(5.233.803.523)	33.011.828.236	2.248.499.290	32.982.606.442	143.009.130.445

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

Địa chỉ: Toà nhà Infonet Số 33 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 0243 7730793 Fax: 0243 7730809

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2017

Phụ lục số 03: Tình hình tăng, giảm và khả năng trả nợ vay

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Ngân hàng TMCP Quân Đội_CN Hoàng Quốc Việt (1)	30.499.439.310	30.499.439.310	78.579.415.928	30.499.439.310	91.453.172.656	43.373.196.038	43.373.196.038	43.373.196.038
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_CN Đống Đa (2)	8.843.871.260	8.843.871.260	22.843.194.469	8.843.871.260	32.938.638.029	18.939.314.820	18.939.314.820	18.939.314.820
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam_CN Hoàn Kiếm (3)	4.448.440.000	4.448.440.000	21.263.677.647	4.448.440.000	36.311.458.087	19.496.220.440	19.496.220.440	19.496.220.440
Vay dài hạn								
Ngân hàng TMCP Quân Đội_CN Hoàng Quốc Việt (1)	-	-	193.269.139	-	7.952.027.644	7.758.758.505	7.758.758.505	7.758.758.505
Cộng:	43.791.750.570	43.791.750.570	122.879.557.183	43.791.750.570	168.655.296.416	89.567.489.803	89.567.489.803	89.567.489.803

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 82020.16.056.631182.TD ngày 01/11/2016 với hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là: 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 260.15.056.631182.TD ngày 27/07/2015 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm của khách hàng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/11/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên là Giấy CN QSD đất, quyền SH nhà và các tài sản khác tại 33 Vũ Ngọc Phan - Hà Nội. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 30.499.493.310 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng tín dụng số 29-2017/HĐCVTL/NHCT126 ngày 27/04/2017 với số tiền là: 1.524.417.510 đồng với mục đích thanh toán tiền mua thiết bị mạng theo HĐKT số 17/HANSDD327 ngày 29/3/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 8.843.871.260 VND

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2440083/HĐTD ngày 04/10/2016 với hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền là: 150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2015/2440083 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành báo lãnh, L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/09/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Số dư tại ngày 31/12/2017: 4.448.440.000 VND

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng tín dụng số 33548.16.056.631182.TD ngày 08/06/2016 với số tiền là: 7.300.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng trụ sở Công ty tại địa chỉ thửa đất số AS+Á6 to bản đồ 0E-II-29 số 33 Phố Vũ Ngọc Phan phường Láng Hạ, quận Đống Đa Hà Nội, thời hạn vay 60 tháng. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định theo văn bản nhận nợ của khách hàng.

- Không còn số dư tại ngày 31/12/2017

* Ghi chú: Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ được công bố trên website:
<http://www.infonet.com.vn>.

Xác nhận
của người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Ngọc Trí